

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2025

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xuôi.

Bà Lê Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

- Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Thạch U – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số 458/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm K, sinh năm: 1984 (*Có mặt*).

Nơi đăng ký HKTT: ấp Trại Luận, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp Công Thiện Hùng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Con chung của bà Lê Thị Diễm K và ông Nguyễn Văn T là các cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 16-5-2015, Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 19-3-2017 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-8-2024 và bản tự khai ngày 29-11-2024, nguyên đơn bà Lê Thị Diễm K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 06-4-2015. Không còn nữ trang cưới, do quá trình chung sống vợ chồng đã bán hết lấy vốn làm ăn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ ngày 17-5-2022 bà đã bỏ về ở nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với ông T cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 16-5-2015 và Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 19-3-2017. Thời gian bà và ông T sống ly thân đến nay hai con sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm theo đơn khởi kiện, thì bà không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Bà cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 21-02-2025, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông xác định đi đến hôn nhân với bà Lê Thị Diễm K là tự nguyện quen biết nhau, cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Nữ trang cưới có nhưng đã lâu nên không nhớ và hiện nay không còn. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên đã tự sống ly thân nhau cho đến nay. Nay về hôn nhân, ông đồng ý ly hôn với bà K do không thể nào hàn gắn lại được. Con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 16-5-2015 và Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 19-3-2017 muốn sống với cha hay mẹ đều được, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Ông thống nhất xác định không có, không yêu cầu gì. Ông thống nhất với các chứng cứ bà K đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho ông được biết. Riêng ông không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét.

Tại hai đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt, hai biên bản lấy lời khai cùng ngày 29-11-2024, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1 và Nguyễn Hoàng Phú Q cùng trình bày: Cha mẹ hai cháu là Nguyễn Văn T và Lê Thị Diễm K. Hiện nay

hai cháu đang sống chung với mẹ. Khi cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của hai cháu là muốn được tiếp tục sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Diễm K có mặt giữ nguyên yêu cầu; Đối với ông Nguyễn Văn T và hai con chung cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm K: Cho bà K được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 16-5-2015 và Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 19-3-2017 cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà K, ông T chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông T cùng xác định không có, nên không xem xét. Ngoài ra, V đề nghị các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện Càng Long triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị Diễm K và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 06-4-2015, nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thường hay cự cãi, không còn quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến ông bà tự ý sống ly thân nhau từ đó cho đến nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng bà K và ông T đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án đã thông báo mời hòa giải vào các ngày 29-11-2024, 21-02-2025 để bà K, ông T gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông T vắng mặt, ông T có đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt, đồng thời cả bà K, ông T cùng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà K, ông T đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Bà K ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[6] *Về con chung*: Bà Lê Thị Diễm K và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 16-5-2015 và Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 19-3-2017, đều đang sống chung với bà K. Tại đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt, biên bản lấy lời khai do Tòa án lập cùng ngày 29-11-2024, hai con chung đều nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Cả bà K và ông T đều thống nhất với nguyện vọng của con. Nên cần xử giao hai con chung cho bà K được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Vì bà K, ông T chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà Lê Thị Diễm K và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] *Về nợ chung*: Do bà Lê Thị Diễm K và ông Nguyễn Văn T cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lê Thị Diễm K có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Diễm K được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 16-5-2015 và Nguyễn Hoàng Phú Q, sinh ngày 19-3-2017 cho bà Lê Thị Diễm K nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của các con chung là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Diễm K và ông Nguyễn Văn T chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Diễm K và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác định không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Diễm K và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Thị Diễm K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai

số 0004596 ngày 18 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đại Phước;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo